

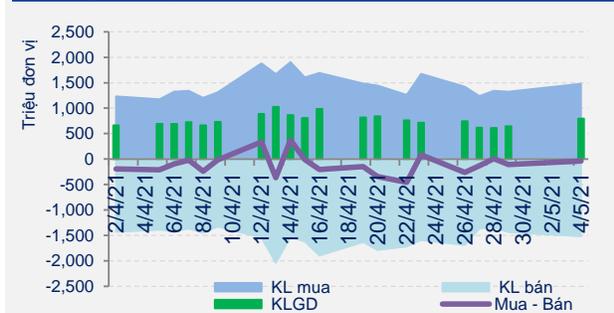
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 4/5/2021

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,242.20	277.71
% Thay đổi	↑ 0.23%	↓ -1.43%
KLGD (CP)	797,693,636	102,443,194
GTGD (tỷ đồng)	21,453.29	1,862.55
Tổng cung (CP)	1,517,758,500	149,806,900
Tổng cầu (CP)	1,480,186,100	140,492,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	61,269,257	1,229,398
KL mua (CP)	45,640,641	404,400
GT mua (tỷ đồng)	1,935.22	8.26
GT bán (tỷ đồng)	2,627.91	26.98
GT ròng (tỷ đồng)	(692.69)	(18.73)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.92%	18.0	2.9	1.7%
Công nghiệp	↓ -1.35%	18.6	2.5	7.3%
Dầu khí	↓ -1.57%	43.2	1.9	1.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.80%	-	4.9	3.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.75%	15.8	2.3	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -2.00%	19.9	4.0	6.2%
Ngân hàng	↑ 0.98%	12.7	2.4	35.9%
Nguyên vật liệu	↑ 1.15%	14.0	2.4	19.1%
Tài chính	↑ 0.46%	20.4	3.1	23.2%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.29%	15.5	2.2	1.5%
VN - Index	↑ 0.23%	17.7	3.0	
HNX - Index	↓ -1.43%	16.3	2.2	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng nhẹ phiên thứ tư liên tiếp với thanh khoản tiếp tục ở dưới mức trung bình. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 2,81 điểm (+0,23%) lên 1.242,2 điểm; HNX-Index giảm 4,04 điểm (-1,43%) xuống 277,71 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 20.607 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 813 triệu cổ phiếu. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 254 mã tăng, 68 mã tham chiếu, 455 mã giảm. Thị trường giảm trong phần lớn thời gian phiên giao dịch, nhưng lực cầu gia tăng từ khoảng 14h trở đi giúp chỉ số kết phiên trong sắc xanh. Độ rộng rổ VN30 khá cân bằng với 15 mã giảm và 15 mã tăng, với các mã tăng mạnh có thể kể đến như TCB (+5,9%), PDR (+4%), CTG (+5,4%), KDH (+5,1%)...; và các mã giảm mạnh là BVH (-3%)... Đa phần các nhóm ngành đều chìm trong sắc đỏ, chỉ có một vài nhóm tăng tốt như điện với BTP (+7%), PPC (+3,1%)...; xây dựng với DPG (+1,4%)...; nhựa với RDP (+6,3%)... Nhóm thép là nhóm tích cực nhất trong phiên hôm nay, khi cả Mid Cap và Bluechip đều tăng tốt như HPG (+2,9%), HSG (+5,8%), NKG (+5,8%), TLH (+6,2%), SMC (+3,3%), TVN (+2,8%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index có phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp, qua đó giúp chỉ số này lấy lại ngưỡng 1.240 điểm (MA20). Mặc dù thanh khoản đã có sự cải thiện so với các phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên một chút cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh, thị trường tăng một phần nhờ sự tiết cung. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn đang nằm trong sóng điều chỉnh a với target gần nhất quanh ngưỡng 1.140 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5). Và thị trường có lẽ sẽ tiếp tục quá trình đi xuống để hoàn thành sóng điều chỉnh a trong tháng 5/2021. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 5/2021 thấp hơn hơn VN30 hơn 8 điểm cho thấy các trader kỳ vọng thị trường sẽ sớm giảm trở lại. Trong phiên giao dịch tiếp theo 5/5, thị trường có thể giảm về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn. Nhà đầu tư trung hạn mua vào trong các phiên 28/1-2/2 và nhà đầu tư ngắn hạn mua vào trong các phiên 24/3-26/3 đã chốt lời khi thị trường vượt ngưỡng 1.250 điểm nên đứng ngoài quan sát thị trường, chờ đợi những nhịp điều chỉnh sâu hơn để tham gia trở lại. Những nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu với kỳ vọng sóng tăng 5 có thể tiếp tục trailing stop theo đường trung bình 20 ngày quanh ngưỡng 1.240 điểm đã bán ra trong tuần trước cũng nên đứng ngoài và tiếp tục quan sát.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

4/5/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.212,56 điểm. Nhưng từ 14h trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 1.242,8 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 2,81 điểm (+0,23%) lên 1.242,2 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 2.600 đồng, TCB tăng 2.400 đồng, CTG tăng 2.200 đồng. Ở chiều ngược lại, VNM giảm 1.600 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán từ đầu phiên và duy trì cho đến hết phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 276,489 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 4,04 điểm (-1,43%) xuống 277,71 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB giảm 1.100 đồng, BAB giảm 800 đồng, IDC giảm 900 đồng. Ở chiều ngược lại, THD tăng 300 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 692,69 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 15,6 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 356,7 tỷ đồng tương ứng với 6,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VPB với 189,3 tỷ đồng tương ứng với 3,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 92,4 tỷ đồng tương ứng với 3,9 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 19 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 825 nghìn cổ phiếu. VND là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 16,9 tỷ đồng tương ứng với 466 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 967 triệu đồng tương ứng với 36 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, BAX là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 775 triệu đồng tương ứng với 10,6 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PMI tháng 4 đạt 54.7 điểm, sản lượng tăng nhanh nhất kể từ tháng 11/2018

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) ngành sản xuất Việt Nam tăng tháng thứ ba liên tiếp, đạt 54.7 điểm trong tháng 4 so với 53.6 điểm trong tháng 3. Số liệu mới nhất cho thấy các điều kiện hoạt động của lĩnh vực sản xuất cải thiện đáng kể và đây là mức cải thiện mạnh nhất kể từ tháng 11/2018.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên thứ tư liên tiếp với khối lượng khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh, chỉ số tăng chủ yếu do hoạt động tiết cung.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật vẫn là kịch bản sóng Elliott lập ra trước đó với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì target của sóng tăng 5 là quanh ngưỡng 1.250 điểm đã đạt được vào nửa đầu tháng 4/2021. Thực tế, thị sóng tăng 5 đã nở rộng được lên được gần 290 điểm khi VN-Index chạm đến ngưỡng 1.286 điểm trong phiên 20/4.

Do thị trường đóng cửa ba tuần liên tiếp ở dưới ngưỡng 1.250 điểm nên xác suất để thị trường nối dài sóng tăng 5 lên ngưỡng 1.325 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4) là thấp hơn so với khả năng thị trường chuyển sang sóng điều chỉnh a với target gần nhất quanh 1.140 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5). Theo đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 5/5, thị trường có thể giảm trở lại về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.240 điểm (MA20) và xa hơn quanh 1.205 điểm (MA50). Nếu mất các ngưỡng này thì tình hình sẽ trở nên tiêu cực hơn.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 55,35 - 55,65 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 250.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 16 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 4/5 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.174 VND/USD, tăng 16 đồng so với cuối tuần qua.

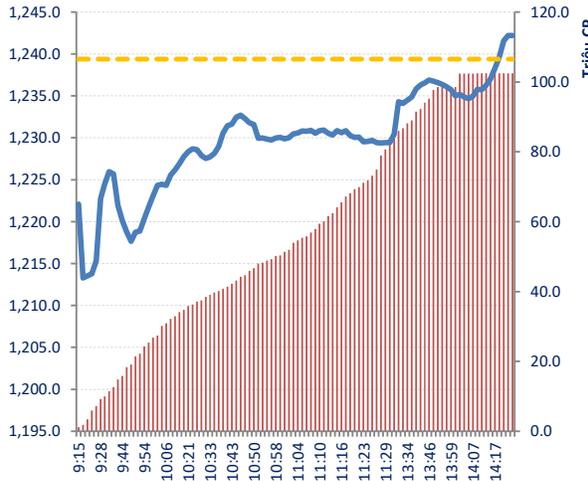
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 4,05 USD/ounce tương ứng với 0,23% xuống 1.787,75 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,363 điểm tương ứng 0,4% lên 91,290 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,2012 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3874 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 109,36 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,68 USD/thùng tương ứng với 1,05% lên 65,17 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 3/5, Dow Jones tăng 238,38 điểm tương đương 0,7% lên 34.113,23 điểm. Nasdaq giảm 67,56 điểm tương đương 0,48% xuống 13.895,12 điểm. Nasdaq Composite tăng 11,49 điểm tương đương 0,27% lên 4.192,66 điểm.

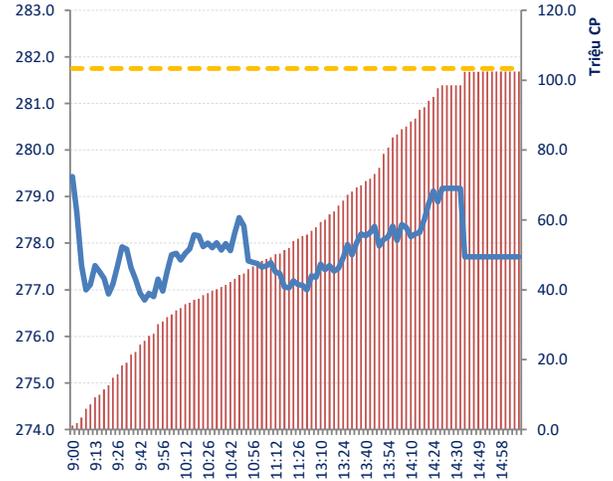


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

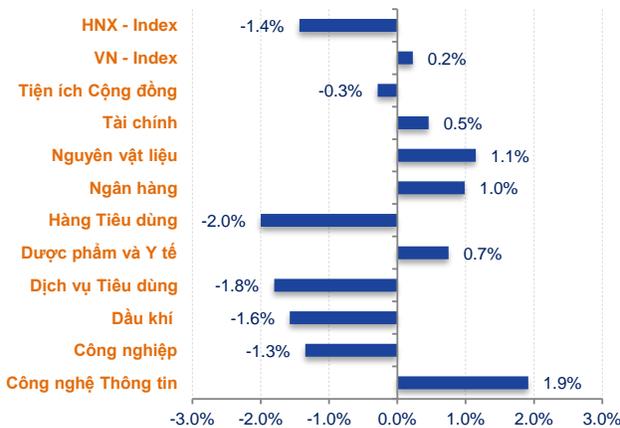
KLGD và VN-Index trong phiên



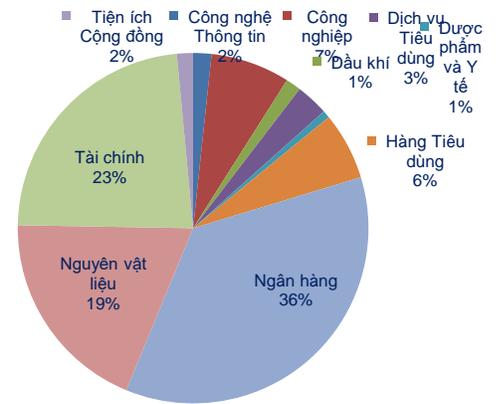
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



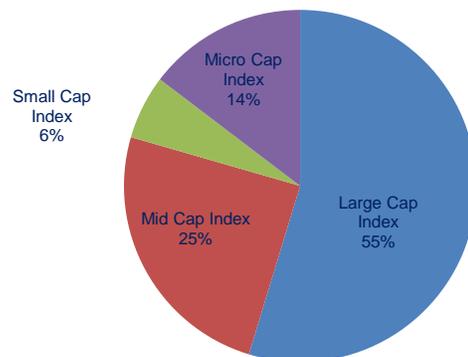
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	3,893,000	HPG	6,120,700
2	HDB	610,400	VPB	3,283,600
3	NVL	570,600	KBC	2,988,700
4	MBB	565,100	TCD	2,774,913
5	HSG	546,000	VRE	1,695,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CVN	45,800	VND	465,915
2	BVS	15,000	KLF	155,200
3	TIG	15,000	MPT	78,000
4	TTH	14,100	ART	38,800
5	DC2	11,000	SHS	36,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	6.44	6.00	↓ -6.83%	59,468,100
STB	23.90	24.10	↑ 0.84%	54,337,900
FLC	11.05	10.45	↓ -5.43%	37,416,000
HPG	58.10	59.80	↑ 2.93%	32,996,000
TCB	41.00	43.40	↑ 5.85%	32,534,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	27.40	26.30	↓ -4.01%	14,028,858
KLF	5.50	5.00	↓ -9.09%	11,706,555
ART	8.30	9.10	↑ 9.64%	9,781,835
NVB	16.90	17.00	↑ 0.59%	7,497,605
SHS	27.40	27.60	↑ 0.73%	6,313,234

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BTP	15.00	16.05	1.05	↑ 7.00%
GMC	26.50	28.35	1.85	↑ 6.98%
DCL	30.80	32.95	2.15	↑ 6.98%
FUCTVGF2	15.15	16.20	1.05	↑ 6.93%
VAF	10.15	10.85	0.70	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L18	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
QST	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
VNT	72.10	79.30	7.20	↑ 9.99%
THS	15.20	16.70	1.50	↑ 9.87%
DNM	40.60	44.60	4.00	↑ 9.85%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HOT	32.90	30.60	-2.30	↓ -6.99%
CMV	16.45	15.30	-1.15	↓ -6.99%
MCG	3.30	3.07	-0.23	↓ -6.97%
TNT	8.20	7.63	-0.57	↓ -6.95%
HQC	3.88	3.61	-0.27	↓ -6.96%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MKV	35.00	31.50	-3.50	↓ -10.00%
SGC	90.00	81.00	-9.00	↓ -10.00%
VE1	5.00	4.50	-0.50	↓ -10.00%
L43	5.00	4.50	-0.50	↓ -10.00%
CDN	30.50	27.50	-3.00	↓ -9.84%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	59,468,100	0.0%	2	4,268.2	0.6
STB	54,337,900	3250.0%	1,487	16.1	1.6
FLC	37,416,000	1.3%	225	49.1	0.6
HPG	32,996,000	31.1%	5,472	10.6	2.9
TCB	32,534,800	19.6%	4,074	10.1	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	14,028,858	14.2%	1,963	14.0	1.9
KLF	11,706,555	-0.6%	(60)	-	0.5
ART	9,781,835	2.3%	270	30.8	0.7
NVB	7,497,605	0.3%	27	633.5	1.6
SHS	6,313,234	30.8%	4,721	5.8	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BTP	↑ 7.0%	6.6%	1,338	11.2	0.7
GMC	↑ 7.0%	8.0%	1,514	17.5	1.2
DCL	↑ 7.0%	7.4%	1,168	26.4	1.9
UCTVGF	↑ 6.9%	N/A	N/A	N/A	N/A
VAF	↑ 6.9%	4.8%	572	17.7	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
L18	↑ 10.0%	3.1%	447	35.8	0.9
QST	↑ 10.0%	13.7%	1,897	5.3	0.8
VNT	↑ 10.0%	-4.8%	(808)	-	4.6
THS	↑ 9.9%	8.3%	1,180	12.9	1.2
DNM	↑ 9.9%	35.6%	8,490	4.8	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	3,893,000	9.6%	1,487	16.1	1.6
HDB	610,400	20.2%	3,089	8.8	1.6
NVL	570,600	13.9%	3,987	33.0	4.1
MBB	565,100	20.4%	3,635	8.3	1.6
HSG	546,000	34.1%	5,350	5.9	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CVN	45,800	20.0%	2,106	4.7	0.7
BVS	15,000	7.2%	1,839	11.3	0.8
TIG	15,000	5.8%	801	17.4	1.0
TTH	14,100	-3.2%	(350)	-	0.3
DC2	11,000	38.8%	5,208	3.1	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	443,098	4.3%	1,586	82.6	3.3
VCB	370,888	21.1%	4,975	20.1	3.9
VHM	326,649	31.2%	8,023	12.4	3.5
VNM	195,411	35.0%	5,313	17.6	5.8
HPG	192,502	31.1%	5,472	10.6	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	65,555	61.8%	6,733	27.8	4.3
SHB	47,964	14.2%	1,963	14.0	1.9
BAB	18,634	7.7%	897	29.3	2.2
VCS	14,400	39.1%	9,044	10.0	3.7
IDC	10,050	7.1%	1,015	33.0	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
EVG	3.19	2.6%	264	44.7	1.0
TDC	2.69	14.7%	1,873	8.9	1.3
CTS	2.46	18.7%	2,444	6.0	1.1
PVD	2.42	1.3%	442	43.3	0.6
DRH	2.35	6.1%	844	12.9	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	3.01	0.0%	5	1,031.4	0.4
VIG	2.73	-2.0%	(113)	-	1.1
WSS	2.40	-0.5%	(45)	-	0.8
SVN	2.31	0.1%	6	794.8	0.4
THD	2.23	61.8%	6,733	27.8	4.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
